

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi phù hiệu phương tiện kinh doanh vận tải vi phạm tốc độ qua trích xuất dữ liệu từ Hệ thống thiết bị giám sát hành trình

### GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG TRỊ

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải Quảng Trị;

Căn cứ kết quả tổng hợp vi phạm trích xuất từ Hệ thống xử lý và khai thác sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình thuộc Cục Đường bộ Việt Nam từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/07/2023;

Căn cứ Thông báo số 152/TB-SGTVT ngày 27/9/2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị về việc rà soát, kiểm tra, xử lý phương tiện kinh doanh vận tải vi phạm tốc độ qua tổng hợp dữ liệu từ Hệ thống quản lý thiết bị giám sát hành trình của Cục Đường bộ Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thu hồi không thời hạn đối với phù hiệu kinh doanh vận tải của 43 phương tiện kinh doanh vận tải thuộc các đơn vị kinh doanh vận tải theo danh sách cụ thể đính kèm theo Quyết định này do có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05 km/h trở xuống) trong tháng 07 năm 2023.

Căn cứ thu hồi: Theo quy định tại điểm b, khoản 10, Điều 22 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**Điều 2.** Phù hiệu đã cấp cho các phương tiện nêu tại Điều 1 không còn giá trị sử dụng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

**Điều 3.** Yêu cầu các đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện vi phạm đã nêu tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

- Nộp phù hiệu bị thu hồi về Sở Giao thông vận tải Quảng Trị khi nhận được Quyết định thu hồi phù hiệu này qua Phòng Quản lý Vận tải phương tiện và người lái theo quy định tại điểm a, khoản 12 Điều 22 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

- Đồng thời không được sử dụng phương tiện bị thu hồi phù hiệu để tiếp tục kinh doanh vận tải trong thời gian bị thu hồi phù hiệu.

- Tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh công tác quản lý hoạt động của bộ phận theo dõi an toàn giao thông; đồng thời yêu cầu đội ngũ lái xe nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về tốc độ và thời gian lái xe; thường xuyên kiểm tra thiết bị giám sát hành trình, camera lắp trên phương tiện để đảm bảo duy trì tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục và truyền dẫn dữ liệu theo quy định trong suốt quá trình tham gia giao thông.

- Nếu đơn vị có nhu cầu tiếp tục sử dụng phương tiện để tham gia hoạt động kinh doanh vận tải thì phải làm thủ tục để được cấp lại phù hiệu, biển hiệu theo quy định tại khoản 8, Điều 1 của Nghị định số 47/2022/NĐ-CP.

**Điều 4.** Giao các phòng, đơn vị thuộc Sở:

1. Giao Thanh tra Sở kiểm tra, giám sát và xử lý theo quy định đối với các trường hợp sử dụng phương tiện để kinh doanh vận tải trong thời gian phương tiện đó bị thu hồi phù hiệu; không chấp hành nộp lại phù hiệu về Sở Giao thông vận tải theo quy định.

2. Giao Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái theo dõi việc chấp hành và nhắc nhở chấn chỉnh, khắc phục các vi phạm của đơn vị vận tải nêu trên.

3. Các đơn vị bến xe trên địa bàn và các bến xe liên quan không xác nhận vào Lệnh vận chuyển đối với các phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định đã bị thu hồi phù hiệu theo danh sách phương tiện vi phạm nêu trên.

**Điều 5.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành; Trưởng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái; Chánh Thanh tra Sở; Giám đốc Trung tâm Quản lý bến xe khách tỉnh; Giám đốc các đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện bị thu hồi phù hiệu và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5 (t/h);
- Cục Đường bộ Việt Nam (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Sở GTVT các tỉnh, thành phố (p/h);
- Phòng CSGT - Công an tỉnh (p/h);
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, QLVTPTNL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Thanh Hùng**



**PHỤ LỤC: DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN BỊ THU HỒI PHÙ HIỆU**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGTVT ngày /10/2023 của Sở GTVT tỉnh Quảng Trị)

STT	Biển kiểm soát	Loại hình	Đơn vị vận tải	Vi phạm tốc độ		Tổng km hành trình
				Lần	/1000 Km	
1	74H00915	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI QUANG HUY	608	41,06632	14.805,32
2	74H00667	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV TQT ANH QUÂN	488	22,26025	21.922,49
3	74H00621	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV VT KIM YẾN	354	20,47629	17.288,29
4	74H00964	Xe đầu kéo	CÔNG TY CP MINH HOÀNG NGUYỄN 68	348	41,30239	8.425,66
5	74H00693	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV AN HƯNG QUẢNG TRỊ	319	17,41333	18.319,30
6	74H00677	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV TQT ANH QUÂN	303	14,97497	20.233,76
7	74H00122	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV TM VẬN TẢI 44	289	31,24006	9.250,94
8	74H00326	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 6	266	48,21750	5.516,67
9	74B00174	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH TMDV ĐỨC THÀNH NHÂN	266	16,37446	16.244,81
10	74H00691	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV KDDV THÁI BÌNH	253	15,18061	16.665,99
11	74H00201	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 6	252	21,53073	11.704,20
12	74C08811	Xe đầu kéo	CÔNG TY CP TIẾN PHONG	175	20,81952	8.405,57
13	74F00599	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ DU LỊCH MẾN THƯƠNG	167	13,90638	12.008,88
14	74F00550	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ DU LỊCH MẾN THƯƠNG	146	5,60445	26.050,74
15	74H00654	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV TQT ANH QUÂN	140	20,30219	6.895,81
16	74H00039	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 6	136	22,71084	5.988,33
17	74H00252	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV SƠN DŨNG QUẢNG TRỊ	123	11,05946	11.121,70
18	74H00090	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 6	115	20,01816	5.744,79
19	74C09945	Xe tải	HTX VẬN TẢI QUANG HUY	108	11,80077	9.151,95
20	74H01033	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI QUANG HUY	85	7,61168	11.167,05
21	74H00134	Xe đầu kéo	HTX Ô TÔ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VĨNH LINH	82	18,89754	4.339,19

22	74H00635	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV QT TUẤN MINH	74	8,74757	8.459,49
23	74C08947	Xe đầu kéo	CÔNG TY CP TRƯỜNG DANH	46	7,92371	5.805,36
24	75H00620	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 6	38	10,21974	3.718,29
25	74B00613	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH MTV THÀNH LIÊN QUẢNG TRỊ	36	36,00000	416,52
26	75H00412	Xe Container	HTX VẬN TẢI SỐ 6	36	5,99880	6.001,20
27	74H00789	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 6	27	19,83701	1.361,09
28	74H00663	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH THÀNH HƯNG	26	7,40032	3.513,36
29	74E00368	Xe taxi	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ DU LỊCH QUẢNG TRỊ	26	5,23818	4.963,55
30	74H00118	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 6	25	18,06773	1.383,68
31	74C09109	Xe đầu kéo	CÔNG TY CP TIẾN PHONG	22	5,25729	4.184,66
32	75H01095	Xe tải	HTX VẬN TẢI SỐ 6	22	6,91910	3.179,61
33	74H00400	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG PHÁT QUẢNG TRỊ	21	21,00000	987,06
34	74C03419	Xe Container	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN THÁI NGUYÊN	20	11,10170	1.801,53
35	74B00557	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI Ô TÔ ĐÔNG HÀ	19	19,00000	425,90
36	90C03353	Xe tải	HTX VẬN TẢI SỐ 6	17	7,17132	2.370,55
37	74H01004	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 6	11	5,27249	2.086,30
38	74C09540	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV GIA HUY QUẢNG TRỊ	10	10,00000	784,21
39	74H01138	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 6	10	5,29617	1.888,16
40	74H00056	Xe Container	HTX VẬN TẢI SỐ 6	7	6,17219	1.134,12
41	74B00428	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI Ô TÔ ĐÔNG HÀ	7	7,00000	470,73
42	74F00575	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ DU LỊCH MẾN THƯƠNG	6	6,00000	856,03
43	75H01717	Xe Container	HTX VẬN TẢI SỐ 6	6	6,00000	666,57